

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 11 - 2019

“V/v Tranh chấp ly hôn
và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kim Diển

2. Bà Phước Thị Kim Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Ông Kim Sum – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 326/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lưu Văn Tr**, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp D, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp D, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông **Nguyễn Văn G** – Luật sư của Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2019 và trong quá tố tụng nguyên đơn anh Lưu Văn Tr trình bày: Vào năm 2011, do quen biết trước nên anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã An Quảng

Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh vào ngày 30/6/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung với gia đình bên vợ tại ấp D, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh, đến năm 2013 thì vợ chồng ra riêng sinh sống, thời gian đầu cuộc sống chung hạnh phúc, có quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường cự cãi với nhau và không tìm được tiếng nói chung. Nay anh nhận thấy vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị T; về con chung tên Lưu Nguyễn Tường V, sinh ngày 06/5/2012 thì anh đồng ý giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai đề ngày 03/7/2019 và quá trình tố tụng bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị thừa nhận có xác lập quan hệ hôn nhân với anh Lưu Văn Tr, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh vào ngày 30/6/2010 theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng ra ở riêng tại ấp D, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh nhưng cuộc sống của vợ chồng chỉ có một mình chị lo nuôi con và kinh tế gia đình, anh Tr không những không quan tâm, chăm sóc vợ con mà còn có những lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm và nhiều lần đe dọa đánh đập chị khiến cho mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến khoảng tháng 9 năm 2019, do không thể chịu đựng được nên chị đã dọn dẹp đồ đạc và dẫn con về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay theo yêu cầu ly hôn của anh Tr thì chị không đồng ý ly hôn, chị mong được đoàn tụ với anh Tr vì chị còn thương anh Tr, không muốn làm ảnh hưởng đến tương lai của con; về con chung tên Lưu Nguyễn Tường V, sinh ngày 06/5/2012 thì chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có.

Theo biên bản tiếp xúc ngày 27/6/2019 cháu Lưu Nguyễn Tường V cho biết: Trường hợp cha là ông Lưu Văn Tr và mẹ là Nguyễn Thị T ly hôn thì nguyện vọng của cháu xin được tiếp tục sống với mẹ là Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Lưu Văn Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị T, về con chung tên Lưu Nguyễn Tường V, sinh ngày 06/5/2012, thì anh đồng ý giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 750.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi, về tài sản chung anh và chị T đã tự thỏa thuận, nợ chung thì không có. Phía bị đơn chị Nguyễn Thị T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Tr, về con chung chị yêu cầu được nuôi con chung tên Lưu Nguyễn Tường V, đồng thời yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 750.000 đồng, về tài sản chung chị yêu cầu anh Tr phải chia cho chị 02 bộ bàn ghế bán nước giải khát và chia 01 phần hui loại hui tháng, mệnh giá 2.000.000 đồng, do bà Trì Thị K làm đầu thảo; về nợ chung thì không có nên không yêu cầu.

Quan điểm của Vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn chị Nguyễn Thị T cho rằng: Năm 2010 anh Tr và chị T xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú

theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn anh Tr và chị T chung sống với nhau có một người con chung tên Lưu Nguyễn Tường V, sinh ngày 06/5/2012. Quá trình chung sống anh Tr, chị T thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi do anh Tr không quan tâm đến vợ con và thường xuyên hù dọa, đánh đập chị T. Nay theo yêu cầu ly hôn của anh Tr thì chị T cũng thống nhất nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận; về con chung, căn cứ vào nguyện vọng của cháu Tường V đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Tường V cho chị T được nuôi dưỡng và buộc anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 800.000 đồng đến khi cháu Tường V đủ 18 tuổi; về tài sản chung thì hiện nay anh Tr và chị T còn 04 bộ bàn ghế bán nước giải khát; 02 phần hui, mỗi phần mệnh giá là 2.000.000 đồng thì chị T yêu cầu chia mỗi người 01 phần hui, yêu cầu được chia thêm 02 bộ bàn ghế bán nước giải khát là phù hợp nên đề nghị chấp nhận. Tuy nhiên, để đảm bảo việc giải quyết phần tài sản chung này đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để đưa chủ hui là bà Trì Thị K vào tham gia tố tụng; về nợ chung thì không có.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử thì Thẩm phán chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

+ Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án nhận thấy: Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng thì anh Tr yêu cầu được ly hôn với chị T, đồng ý giao cháu Tường V cho chị T nuôi dưỡng, anh Tr không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung tự thỏa thuận, về nợ chung không có; phía chị T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Tr, mong muốn đoàn tụ, còn vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung thì thống nhất với yêu cầu của anh Tr và không có yêu cầu phản tố. Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì chị T bổ sung yêu cầu chia đôi các loại tài sản chung gồm 01 chiếc xe honda, 01 chiếc xe đạp điện, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 bếp ga, 01 tủ đựng quần áo, 04 bộ bàn ghế bán nước giải khát và 02 phần hui, mỗi phần mệnh giá là 2.000.000 đồng; tại phiên tòa chị T yêu cầu chia mỗi người 01 phần hui mệnh giá là 2.000.000 đồng và yêu cầu được nhận 02 bộ bàn ghế bán nước giải khát; anh Tr đồng ý giao cho chị T 02 bộ bàn ghế bán nước giải khát, không đồng ý chia 01 phần hui cho chị T. Mặc dù, anh Tr và chị T thỏa thuận được về tài sản chung là các vật dụng trong nhà nhưng đối với 02 phần hui, mỗi phần mệnh giá là 2.000.000 đồng thì không thỏa thuận được nên phải thu thập thêm tài liệu, chứng cứ liên quan đến tài sản chung của anh Tr và chị T. Đồng thời, cần thiết phải đưa bà Trì Thị K vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để đảm bảo việc giải quyết vụ án một cách toàn diện, đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều

28, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 97 và điểm c, khoản 1 Điều 259, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung chứng cứ liên quan đến tài sản chung của anh Tr và chị T. Đồng thời, đưa bà Trì Thị K vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện thì anh Lưu Văn Tr yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị T; về con chung tên Lưu Nguyễn Tường V, sinh ngày 06/5/2012 thì anh Tr đồng ý giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng nên đây là vụ kiện “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tr và chị T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh ngày 30/6/2010 đúng quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa anh Tr và chị T là hợp pháp. Tại phiên tòa, anh Tr và chị T đều cho rằng tình trạng hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cự cãi với nhau, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được và điều này cũng phù hợp với kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của anh Tr và chị T. Phía anh Tr yêu cầu được ly hôn với chị T, phía chị T cũng đồng ý ly hôn với anh Tr, xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Anh Tr và chị T đều xác định anh, chị có một người con chung tên Lưu Nguyễn Tường V, sinh ngày 06/5/2012. Hiện nay cháu V đang sinh sống với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng; phía anh Tr cũng đồng ý theo yêu cầu của chị T, xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự và điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu V nên Hội đồng xét xử ghi nhận và giao cháu Lưu Nguyễn Tường V, sinh ngày 06/5/2012 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lưu Văn Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 750.000 đồng.

[4] Về tài sản chung: Quá trình tố tụng anh Tr cho rằng anh và chị T có tài sản chung nhưng đã tự chia, không yêu cầu giải quyết. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì chị T yêu cầu chia đôi các loại tài sản 01 quán nước giải khát trị giá khoảng 43.000.000 đồng xây dựng trên phần đất mượn của bên gia đình anh Tr, 01 chiếc xe honda, 01 chiếc xe đạp điện, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 bếp ga, 01 tủ đựng quần áo, 04 bộ bàn ghế bán nước giải khát và 02 phần hui mỗi phần mệnh giá

2.000.000 đồng. Quá trình hỏi tại phiên tòa thì chị T cho rằng hiện nay chị đang trực tiếp quản lý sử dụng các loại tài sản gồm 01 chiếc xe đạp điện, 01 máy giặt, 01 bếp ga; anh Tr đang quản lý 01 quán nước giải khát xây dựng năm 2013, trên phần đất mượn của bên gia đình anh Tr, 01 chiếc xe honda, 01 tủ lạnh, 01 tủ đựng quần áo, 04 bộ bàn ghế bán nước giải khát và 02 phần hui, mỗi phần mệnh giá là 2.000.000 đồng. Đối với các loại tài sản gồm 01 quán nước giải khát xây dựng năm 2013, trên phần đất mượn của bên gia đình anh Tr, 01 chiếc xe honda, 01 tủ lạnh, 01 tủ đựng quần áo, 04 bộ bàn ghế bán nước giải khát thì anh Tr và chị T đã tự thỏa thuận và chia xong không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng đối với 02 phần hui, mỗi phần mệnh giá là 2.000.000 đồng do bà Trì Thị K làm đầu thảo, hiện chưa mãn thì chị T yêu cầu anh Tr phải chia 01 phần; quan điểm của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị T, đồng thời Vị luật sư đề nghị Hội đồng xét xử đưa bà K vào tham gia tố tụng; quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ liên quan đến 02 phần hui tài sản chung của anh Tr và chị T, đồng thời đưa bà Trì Thị K vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, đối với 02 phần hui mỗi phần mệnh giá 2.000.000 đồng do bà Trì Thị K làm đầu thảo, quá trình tham gia chơi hui, mặc dù chị T không có tham gia đóng góp vào 02 phần hui này nhưng 02 phần hui này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, thường ngày chị T cũng có tham gia vào các công việc nội trợ trong gia đình. Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì các công việc trong gia đình cũng được xem là lao động có thu nhập nên 02 phần hui này là tài sản chung của anh Tr và chị T. Tuy nhiên, do 02 phần hui này chưa mãn, chưa biết số tiền cụ thể mà anh Tr, chị T sẽ được hưởng bao nhiêu trong hai chân hui nêu trên nên việc tạm ngừng phiên tòa để thu thập, tài liệu liên quan đến 02 phần hui này và việc đưa bà Trì Thị K vào tham gia tố tụng trong vụ án này cũng chưa giải quyết được phần yêu cầu của chị T. Do đó, quan điểm của Vị luật sư và quan điểm của Kiểm sát viên là không có căn cứ chấp nhận. Đối với phần 02 phần hui này thì chị T có quyền khởi kiện một vụ án khác để yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn.

[5] Về nợ chung: Anh Tr và chị T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Trong vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn anh Lưu Văn Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đồng thời anh Lưu Văn Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lưu Văn Tr.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh Lưu Văn Tr và chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Lưu Văn Tr và chị Nguyễn Thị T thống nhất giao cháu Lưu Nguyễn Tường V, sinh ngày 06/5/2012 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng (dây cũng là nguyện vọng của cháu Tường V). Anh Lưu Văn Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung tên Lưu Nguyễn Tường V, sinh ngày 06/5/2012 mỗi tháng bằng 750.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/11/2019) đến khi cháu Lưu Nguyễn Tường V đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, đồng thời phải có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bên trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T được quyền khởi kiện một vụ án khác để yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn là số tiền của 02 phần hui mệnh giá là 2.000.000 đồng/phần do bà Trì Thị K làm đầu thảo.

- Về nợ chung: Anh Tr và chị T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Buộc anh Lưu Văn Tr phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng nuôi con). Nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Tr đã nộp tạm ứng trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002015 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Còn lại 300.000 đồng thì anh Lưu Văn Tr phải nộp tiếp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

3. Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn và bị đơn, báo các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã An Quảng Hữu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thuôn

